



THE IMPACTS OF BANK DIVERSIFICATION ON PROFITABILITY OF COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM

Pham Duy Phu Thinh¹, Phan Thi My Hanh² & Phan Thu Hien^{3*}

¹Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development

²University of Finance – Marketing

³University of Economics Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi63.163</p> <p><i>Received:</i> August 13, 2020</p> <p><i>Accepted:</i> October 07, 2021</p> <p><i>Published:</i> June 25, 2021</p> <p>Keywords: Bank diversification, commercial banks, profitability.</p>	<p>The study analyses and examines the impacts of bank diversification on profitability of commercial banks in Vietnam over the period of 2007 – 2018. The results show that income diversification has a positive effect on Return on equity (ROE). Both asset growth and bank size positively affect bank profitability. Moreover, economic growth and financial crisis make bank profitability greater. By contrast, when market concentration increases, the bank profitability decreases. From these findings, the study recommends some solutions to increase the profitability of commercial banks in Vietnam, thereby helping them develop more sustainably.</p>

*Corresponding author:

Email: phanthuhien@ueh.edu.vn



TÁC ĐỘNG CỦA ĐA DẠNG HÓA ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Phạm Duy Phú Thịnh¹, Phan Thị Mỹ Hạnh² & Phan Thu Hiền^{3*}

¹Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

²Trường Đại học Tài chính – Marketing

³Trường Đại học Kinh tế TP HCM

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi63.163</p> <p>Ngày nhận: 13/08/2020</p> <p>Ngày nhận lại: 07/10/2020</p> <p>Ngày đăng: 25/06/2021</p> <p>Từ khóa: Đa dạng hóa ngân hàng, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại.</p>	<p>Nghiên cứu phân tích và đánh giá tác động của đa dạng hóa đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2007 – 2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa thu nhập tác động dương đến tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tốc độ tăng trưởng tài sản và quy mô ngân hàng đều ảnh hưởng tích cực đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế và khủng hoảng tài chính cũng giúp cho ngân hàng gia tăng khả năng sinh lời. Ngược lại, khi mức độ tập trung thị trường càng tăng thì khả năng sinh lời của ngân hàng càng giảm. Từ kết quả này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm gia tăng khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam, từ đó giúp hệ thống ngân hàng phát triển bền vững hơn.</p>

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, với những sự nỗ lực không ngừng, ngành ngân hàng Việt Nam luôn đạt được những kết quả hoạt động khả quan. Đến cuối năm 2018, toàn hệ thống

có tổng tài sản đạt 11,06 triệu tỷ đồng (tăng 10,6% so với cuối năm 2017), tổng vốn điều lệ đạt 576,3 nghìn tỷ đồng (tăng 12,5% so với cuối năm 2017), vốn tự có đạt 806,1 nghìn tỷ đồng (tăng 12,9% so với cuối năm 2017), khả năng sinh lời ROA và ROE lần lượt là 0,9% và 11,8% đều gia tăng so với năm 2017 (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2019). Tuy nhiên,

*Tác giả liên hệ:

Email: phanthuhien@ueh.edu.vn

cơ cấu thu nhập của các NHTM Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động tín dụng với tỷ lệ đóng góp 82% tổng thu nhập hoạt động của các ngân hàng vào năm 2015 và có xu hướng giảm nhẹ xuống 75% vào năm 2018. Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tích cực trong năm 2018 là nhờ vào sự gia tăng thu nhập từ các hoạt động như thu phí dịch vụ, liên kết bảo hiểm, môi giới và đầu tư chứng khoán, giao dịch vàng và hối đoái, hoạt động thoái vốn đầu tư và thanh lý tài sản ngoại bảng.

Theo Chương trình hành động của ngành ngân hàng, thực hiện chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, được ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nêu rõ “*Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16-17%*”. Do đó, đây cũng là xu hướng mà các NHTM hiện nay đang hướng tới, đó là cơ cấu lại cấu trúc thu nhập, chú trọng và đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động tạo ra thu nhập ngoài lãi, giúp giảm áp lực cạnh tranh huy động vốn, giảm phụ thuộc quá nhiều vào hoạt động tín dụng, từ đó giúp hạn chế rủi ro cho ngân hàng.

Những nghiên cứu trước đây cũng đã phân tích tác động của đa dạng hóa đến khả năng sinh lời như Birchwood và cộng sự (2017), Hussain (2014), Trujillo – Ponce (2013), Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015), Võ Xuân Vinh và Trần Thị Phương Mai (2015), Naiwei và cộng sự (2018). Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này chỉ nghiên cứu riêng lẻ tác động của đa dạng hóa thu nhập hoặc đa dạng hóa tài sản đến khả năng sinh lời của NHTM và các kết quả nghiên cứu vẫn còn chưa thống nhất. Vì vậy, trong nghiên cứu này nhóm tác giả sẽ xem xét cả tác động của cả đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa tài sản đến khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam trong cùng mô hình nghiên cứu.

2. Tổng quan nghiên cứu về tác động của đa dạng hóa đến khả năng sinh lời của NHTM

Đa dạng hóa ngân hàng có thể được xem xét ở khía cạnh đa dạng hóa thu nhập hay đa dạng hóa tài sản. Các ngân hàng có thể đa dạng hóa thu nhập bằng cách tạo ra thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi từ hoạt động dịch vụ, hoạt động kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán kinh doanh, mua bán chứng khoán đầu tư, thu nhập từ góp vốn mua cổ phần. Bên cạnh đó, theo Syed Moudud-Ul-Huq và cộng sự (2018) các ngân hàng có thể đa dạng hóa danh mục tài sản bằng cách mở rộng thực hiện các hoạt động mới, chẳng hạn như cung cấp dịch vụ môi giới, đầu tư và bảo lãnh phát hành và chứng khoán kinh doanh. Do đó, các ngân hàng sẽ đa dạng hóa tài sản bằng cách hình thành cả tài sản tạo ra thu nhập ngoài lãi và tài sản tạo ra thu nhập từ lãi.

Một số nghiên cứu cho rằng việc gia tăng lợi nhuận có liên quan đến đa dạng hóa nguồn thu nhập (Baele và cộng sự, 2007, Lee và cộng sự, 2013). Khi các ngân hàng đa dạng hóa thu nhập thì ngân hàng sẽ sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực về vật chất và lao động do đó sẽ giảm được chi phí quản lý, chi phí hoạt động, từ đó làm gia tăng lợi nhuận, ngoài ra các ngân hàng có thể phân tán và giảm rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Hơn nữa, chiến lược đa dạng các nguồn thu nhập ngoài lãi còn giúp ngân hàng giảm sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng khả năng cạnh tranh. Nghiên cứu của Lee và cộng sự (2013) về tác động của đa dạng hóa thu nhập đến khả năng sinh lời và rủi ro của 967 NHTM tại 22 quốc gia châu Á trong giai đoạn 1995 – 2009 đã chỉ ra rằng đa dạng hóa thu nhập có lợi cho các ngân hàng ở các nước thu nhập trung bình và thấp thông qua việc tăng khả năng sinh lời và giảm rủi ro. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại bác bỏ lợi ích của đa dạng hóa thu nhập đối với khả năng sinh lời (DeYoung & Roland, 2001; Petria và cộng

sự, 2015; Trujillo – Ponce, 2013). DeYoung và Roland (2001) và Birchwood và cộng sự (2017) đều cho rằng ngân hàng có khả năng mất khách hàng khi đẩy mạnh nguồn thu từ phí hơn so với nguồn thu từ hoạt động tín dụng. Nghiên cứu của Petria và cộng sự (2015) đưa ra bằng chứng về đa dạng hóa thu nhập không ảnh hưởng đến khả năng sinh lời ngân hàng tại 27 quốc gia thành viên châu Âu giai đoạn 2004 – 2011. Kết quả này cũng được ủng hộ bởi nghiên cứu của Trujillo – Ponce (2013) với kết luận rằng đa dạng hóa thu nhập không có tác động đến tỷ lệ sinh lời trên tài sản (ROA) và tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của các ngân hàng Tây Ban Nha trong giai đoạn 1999 – 2009.

Naiwei và cộng sự (2018) xem xét tác động của đa dạng hóa tài sản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng tại ba quốc gia châu Á (Malaysia, Pakistan và Indonesia) giai đoạn 2006 – 2012 chỉ ra rằng đa dạng hóa có tương quan nghịch với khả năng sinh lời ROA. Syed và cộng sự (2018) nghiên cứu về tác động của sự đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa tài sản đến hiệu quả và rủi ro của các ngân hàng trong các nền kinh tế mới nổi ASEAN gồm Indonexia, Thái Lan, Malaysia, Philippines và Việt Nam từ 2011 đến 2015 cho thấy các ngân hàng Indonesia và Thái Lan được hưởng lợi nhiều nhất từ các chiến lược đa dạng hóa. Cả đa dạng hóa thu nhập và tài sản đều có tác động tích cực đến khả năng sinh lời và tác động ngược chiều đến rủi ro ngân hàng. Các ngân hàng tại Phillippines, Việt Nam và Malaysia được hưởng lợi từ đa dạng hóa thu nhập, tuy nhiên lại chịu ảnh hưởng khác nhau từ đa dạng hóa tài sản. Cụ thể, đa dạng hóa tài sản mang lại lợi ích cho ngân hàng Phillippines về cải thiện hiệu quả chi phí, nhưng không cải thiện khả năng sinh lời ngân hàng, đa dạng hóa tài sản tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời ngân hàng Malaysia, tuy nhiên, nó giúp các ngân hàng nâng cao hiệu quả và giảm rủi ro, và đa dạng hóa tài sản

không có tác động đáng kể đến hoạt động và sự ổn định của ngân hàng tại Việt Nam.

Đối với trường hợp Việt Nam, Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015) đã đưa ra bằng chứng về tác động cùng chiều của đa dạng hóa thu nhập đến khả năng sinh lời của 22 NHTM Việt Nam giai đoạn 2007 – 2013. Võ Xuân Vinh và Trần Thị Phương Mai (2015) cũng chỉ ra đa dạng hóa thu nhập giúp các NHTM Việt Nam tăng khả năng sinh lời trong giai đoạn 2006 – 2013, tuy nhiên khi xem xét yếu tố rủi ro thì các ngân hàng có mức độ đa dạng hoá thu nhập càng cao thì lợi nhuận điều chỉnh rủi ro càng giảm. Võ Đức Thọ (2017) xem xét ảnh hưởng của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các NHTM ở Việt Nam trong giai đoạn 2001 – 2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa tiền gửi, đa dạng hóa tín dụng và đa dạng hóa tài sản có tác động tích cực đến khả năng sinh lời của các NHTM trong khi đa dạng hóa thu nhập tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của các NHTM.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Việc đa dạng hóa thu nhập có thể giúp các ngân hàng sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, giảm được chi phí quản lý, chi phí hoạt động, giảm sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng khả năng cạnh tranh, từ đó làm gia tăng lợi nhuận. Ngân hàng càng đa dạng hóa thu nhập thì càng có thể tăng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Syed và cộng sự, 2018; Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cành, 2015). Do đó:

Giả thuyết H₁: Đa dạng hóa thu nhập tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa tài sản, các ngân hàng sẽ tăng tỷ trọng các tài sản tạo ra thu nhập ngoài lãi và tương ứng sẽ làm giảm tỷ trọng tài sản tạo ra thu nhập

từ lâu. Nghiên cứu về tác động của đa dạng hóa tài sản đến khả năng sinh lời tại các quốc gia châu Á cho thấy chiến lược đa dạng hóa tài sản của các ngân hàng ở khu vực này có ảnh hưởng tích cực đến khả năng sinh lời của ngân hàng (Syed và cộng sự, 2018; Võ Đức Thọ, 2017). Do đó:

Giả thuyết H₂: Đa dạng hóa tài sản tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Tăng trưởng về tài sản, tiền gửi và các khoản cho vay có vai trò quan trọng đối với các ngân hàng. Các ngân hàng đứng đầu về khả năng sinh lời thường có mức tăng trưởng tổng tài sản nhanh hơn các ngân hàng có khả năng sinh lời trung bình. Kết quả nghiên cứu của Lee và cộng sự (2013) và Phan Thị Hằng Nga (2017) chỉ ra rằng tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và khả năng sinh lời có mối quan hệ cùng chiều. Do đó:

Giả thuyết H₃: Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Petria và cộng sự (2015), Lee và cộng sự (2013), Islam và Nishiyama (2016), Menicucci và Paolucci (2016), Nguyễn Thị Mỹ Linh và Nguyễn Thị Ngọc Hương (2015), Phan Thị Hằng Nga (2017), Nga và Đạt (2021) cho rằng khi sử dụng cấu trúc vốn có tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao hơn sẽ tạo ra lợi nhuận tốt hơn. Hay nói cách khác, ngân hàng có tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản càng thấp thì thu được khả năng sinh lời càng cao. Do đó:

Giả thuyết H₄: Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời.

Tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản là một chỉ số đại diện cho khả năng quản trị rủi ro thanh khoản của các ngân hàng. Để duy trì và quản lý rủi ro thanh khoản, các ngân hàng sẽ gia tăng tỷ lệ nắm giữ các tài sản có thanh khoản, nếu đầu tư vào các tài sản có thanh khoản tỷ trọng lớn sẽ có nguy cơ thặng dư thanh khoản và mức sinh lời thấp từ tài sản thanh khoản thấp, sẽ làm giảm khả

năng sinh lời của ngân hàng. Phan và cộng sự (2016), Võ Đức Thọ (2017) cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa thanh khoản và khả năng sinh lời. Do đó:

Giả thuyết H₅: Tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời.

Các ngân hàng lớn có thể tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, nhiều hệ thống các chi nhánh để thu hút khách hàng và đảm bảo các khoản tài trợ cho quá trình hoạt động ở mức chi phí thấp hơn so với các ngân hàng nhỏ. Bilal và cộng sự (2013), Petria và cộng sự (2015), Lee và cộng sự (2013), Menicucci và Paolucci (2016), Phan và cộng sự (2016), Naiwei và cộng sự (2018), Nga và Đạt (2021) cũng chỉ ra rằng quy mô ngân hàng có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời. Do đó:

Giả thuyết H₆: Quy mô ngân hàng tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Giả thuyết sức mạnh thị trường và lý thuyết cấu trúc hiệu quả được chứng minh qua thực nghiệm từ nghiên cứu của Trujillo – Ponce (2013), Phan và cộng sự (2016), các nghiên cứu trên tìm thấy mối quan hệ đồng biến giữa mức độ tập trung thị trường và khả năng sinh lời của ngân hàng. Do đó:

Giả thuyết H₇: Mức độ tập trung thị trường tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Theo nghiên cứu của Ali và cộng sự (2011), Hussain (2014), Petria và cộng sự (2015), Erina và Lace (2013), Trujillo – Ponce (2013), Phan và cộng sự (2016), Phan Thị Hằng Nga (2017), Nga và Đạt (2021) tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời của NHTM. Do đó:

Giả thuyết H₈: Tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Hussain (2014), Erina và Lace (2013), Trujillo – Ponce (2013), Hoàng Trung Khánh và Vũ Thị Đan Trà (2015), Phan Thị Hằng

Nga (2017), Nga và Đạt (2021) cho rằng có mối quan hệ đồng biến giữa tỷ lệ lạm phát và khả năng sinh lời của các ngân hàng. Do đó:

Giả thuyết H₉: Tỷ lệ lạm phát có tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời.

Khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 – 2009 ảnh hưởng đáng kể đến thị trường tài chính và kinh tế vĩ mô ở các quốc gia. Islam và Nishiyama (2016) cho rằng khủng hoảng kinh tế có mối quan hệ ngược chiều với khả năng sinh lời của ngân hàng. Do đó:

Giả thuyết H₁₀: Khủng hoảng kinh tế có tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời.

3.2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Dựa vào nghiên cứu của Syed và cộng sự (2018) về đa dạng hóa ngân hàng tác động

đến khả năng sinh lời, nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu sau:

$$ROE_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 ID_{it} + \alpha_2 AD_{it} + \alpha_3 AG_{it} + \alpha_4 LEV + \alpha_5 LIQ_{it} + \alpha_6 SIZE_{it} + \alpha_7 HHI_{it} + \alpha_8 GDP_{it} + \alpha_9 INF_{it} + \alpha_{10} CRISIS_{it} + \epsilon_{it}$$

Trong đó: i, t lần lượt là thứ tự NHTM i tại năm t.

Nghiên cứu sử dụng hai biến độc lập về đa dạng hóa gồm đa dạng hóa thu nhập (ID) và đa dạng hóa tài sản (AD) để xem xét tác động của cả hai dạng đa dạng hóa đến khả năng sinh lời của NHTM. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng các biến kiểm soát như các biến đặc tính của các NHTM (AG, LEV, LIQ, SIZE), biến về ngành (HHI) và các biến vĩ mô (GDP, INF, CRISIS) vào trong mô hình.

Bảng 1. Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Mô tả	Đo lường
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$
ID	Đa dạng hóa thu nhập	$\frac{\text{Thu nhập ngoài lãi}}{\text{Tổng thu nhập hoạt động}}$
AD	Đa dạng hóa tài sản	$\frac{\text{Tài sản không mang lãi}}{\text{Tổng tài sản}}$
AG	Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản	$\frac{TA_{it} - TA_{i(t-1)}}{TA_{i(t-1)}}$ TA: Tổng tài sản
LEV	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$
LIQ	Tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản	$\frac{\text{Tài sản thanh khoản}}{\text{Tổng tài sản}}$
SIZE	Quy mô ngân hàng	Logarit tự nhiên tổng tài sản $\frac{\text{Tổng tài sản của 4 ngân hàng lớn nhất}}{\text{Tổng tài sản các ngân hàng}}$
HHI	Mức độ tập trung thị trường	4 ngân hàng gồm BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Sacombank.

Tên biến	Mô tả	Đo lường
GDP	Tăng trưởng kinh tế	$\frac{(GDP_t - GDP_{t-1})}{GDP_{t-1}}$
INF	Tỷ lệ lạm phát	$\frac{(CPI_t - CPI_{t-1})}{CPI_{t-1}}$
CRISIS	Khủng hoảng kinh tế	t = 1: năm 2008 và 2009 t = 0: các năm còn lại

Sau khi tiến hành các kiểm định đa cộng tuyến, tự tương quan, Hausman, Breusch-Pagan Lagrange, nghiên cứu đã lựa chọn mô hình các yếu tố ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM). Nghiên cứu cũng tiến hành kiểm tra hiện tượng tự tương quan cho các phần dư và khắc phục hiện tượng tự tương quan cho các phần dư bằng phương pháp ước lượng GLS (Generalized Least Squares) (Tiên & Hằng, 2020).

3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp thu thập từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo thường niên của 21 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2007 – 2018. Dữ liệu đã loại trừ các ngân hàng sáp nhập, ngân hàng bị mua lại không đồng, các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh và các ngân hàng không đầy đủ số liệu báo cáo tài chính. Các số liệu vĩ mô như tăng trưởng GDP, lạm phát được thu thập từ nguồn dữ liệu của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF).

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả các biến định lượng trong mô hình (đơn vị tính %)

Biến quan sát	Số quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
ROE	252	0,0008	0,4248	0,1008	0,0705
ID	252	-0,6069	0,8076	0,1970	0,1492
AD	252	0,1396	0,8018	0,4307	0,1239
AG	252	-0,3726	7,7907	0,3461	0,6797
LEV	252	0,6290	0,9594	0,8931	0,0565
LIQ	252	0,0452	0,6109	0,2199	0,1075
SIZE	252	14,5267	20,9956	18,0901	1,3258
HHI	252	0,4954	0,6332	0,5819	0,0433
GDP	252	0,0525	0,0713	0,0619	0,0063
INF	252	0,0088	0,2312	0,0813	0,0628

Bảng 3. Ma trận hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến	ID	AD	AG	LEV	LIQ	SIZE	HHI	GDP	INF
AD	0,0951	1							
AG	0,2072	0,2630	1						
LEV	0,1381	0,0215	-0,0436	1					
LIQ	0,0193	0,6611	0,3763	-0,0556	1				
SIZE	0,1604	-0,1754	-0,2808	0,7054	-0,2437	1			
HHI	0,1661	-0,2622	0,1059	0,0237	-0,1799	-0,0170	1		
GDP	0,1147	-0,0841	0,2446	0,1443	-0,1483	0,1070	0,4070	1	
INF	-0,1163	0,2975	0,0345	-0,2645	0,4010	-0,2918	-0,3058	-0,3331	1
CRISIS	0,0718	0,0797	0,0154	-0,2234	0,2702	-0,2841	0,1303	-0,4681	0,4962

Kết quả ma trận tương quan được trình bày trong Bảng 3 cho thấy hệ số tương quan so sánh từng cặp giữa các biến đều nhỏ hơn 0,8 là chấp nhận được.

Bảng 4. Kết quả kiểm tra đa cộng tuyến

Biến quan sát	VIF	1/VIF	Biến quan sát	VIF	1/VIF
SIZE	2,58	0,387587	INF	1,87	0,535343
CRISIS	2,32	0,431256	HHI	1,83	0,546471
LIQ	2,25	0,445290	AG	1,52	0,657342
LEV	2,21	0,451686	ID	1,20	0,830755
AD	1,99	0,503775	Mean VIF	1,97	
GDP	1,98	0,506206			

Hệ số VIF (Variance Inflation Vector) nhỏ hơn 5 (Gujarati, 2004) cho thấy khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến trong mô hình là không đáng kể.

Bảng 5. Kết quả hồi quy các yếu tố tác động đến ROE

Biến quan sát	POOLED OLS	FEM	REM
ID	0,0929***	0,0785***	0,0817***
AD	-0,0818*	-0,0737	-0,0768*
AG	0,0161**	0,0172***	0,0170***
LEV	0,0200	-0,0656	-0,0395
LIQ	0,0859*	0,1749***	0,1479***
SIZE	0,0215***	0,0270***	0,0245***
HHI	-0,5464***	-0,5017***	-0,5168***
GDP	2,8421***	2,7572***	2,7747***
INF	0,1716**	0,1264	0,1359*
CRISIS	0,0453***	0,0437***	0,0437***
CONS	-0,1934	-0,2541	-0,2185
Adj R-Square	0,3061	0,2942	0,2929

Ghi chú: ký hiệu *, **, *** thể hiện có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5%, 1%.

Bảng 6. Kết quả kiểm định Breusch Pagan Lagrange và Hausman

Kiểm định	Chi-square	Prob,Chi-Square	Phương pháp được chọn
Breusch Pagan Lagrange	75,32	0,0000	REM
Hausman	11,40	0,3270	REM

Kết quả kiểm định nhân tử Lagrange cho thấy kết quả có Prob.Chi-Square bằng 0,000 nhỏ hơn 0,05 ($\alpha = 5\%$) nên kết luận bác bỏ giả thuyết H_0 . Vậy phương pháp ước lượng tác động ngẫu nhiên (REM) sẽ giải thích kết quả tốt hơn so với phương pháp Pooled OLS. Kết quả kiểm định Hausman cho thấy chỉ số Prob.Chi-Square có giá trị lớn hơn

$\alpha = 0,05$ (mức ý nghĩa 5%), do đó không thể bác bỏ giả thuyết H_0 . Chính vì thế sử dụng mô hình ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM) để giải thích kết quả sẽ phù hợp hơn so với mô hình tác động cố định (FEM). Từ hai kết quả kiểm định trên, mô hình hồi quy tác động ngẫu nhiên (REM) được lựa chọn là mô hình phù hợp với mô hình nghiên cứu.

Bảng 7. Kết quả kiểm định tự tương quan của phần dư cho mô hình

Chi-Square	Prob.Chi-Square	Kết quả
92,20	0,0000	Xảy ra hiện tượng tự tương quan

Kiểm định hiện tượng tự tương quan cho các phần dư cũng chỉ ra Prob = 0,0000 < 0,05 (mức ý nghĩa 5%) do đó giả thuyết H_0 bị bác bỏ. Kết luận mô hình có hiện tượng tự tương quan giữa các phần dư. Do đó, nhóm tác giả

thực hiện xử lý sai phạm bằng phương pháp ước lượng GLS (Generalized Least Square) cho mô hình tác động ngẫu nhiên để khắc phục mô hình và cho kết quả chính xác hơn.

Bảng 8. Kết quả hồi quy mô hình GLS khắc phục sai phạm của mô hình

Biến quan sát	Hệ số hồi quy	Mức ý nghĩa
ID	0,0768***	0,001
AD	-0,0472	0,305
AG	0,0156***	0,005
LEV	0,0437	0,687
LIQ	0,0821	0,101
SIZE	0,0176***	0,005
HHI	-0,4839***	0,000
GDP	2,3052***	0,001
INF	0,0672	0,256
CRISIS	0,0365***	0,005
Cons	-0,1490	0,212
Số quan sát	252	
Wald.Chi Square	77,27	
Prob-Chi-Square	0,0000	

Ghi chú: ký hiệu *, **, *** thể hiện có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5%, 1%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa thu nhập có hệ số dương với mức ý nghĩa 1%. Điều đó cho thấy khi ngân hàng đa dạng hóa thu nhập thì sẽ tăng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu. Đối với các NHTM Việt Nam, các hoạt động tạo ra thu nhập ngoài lãi được chú trọng trong thời gian qua nhưng thực tế những đóng góp của nguồn thu nhập ngoài lãi vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ so với thu nhập lãi thuần trong tổng thu nhập. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập của 21 ngân hàng từ năm 2007 đến năm 2018 trung bình là 19,70%. Khi tăng thu nhập ngoài lãi sẽ làm tăng chỉ số đa dạng hóa thu nhập, các ngân hàng có thể khai thác thêm và mở rộng các hoạt động tạo ra thu nhập ngoài lãi, ngân hàng cũng giảm được chi phí quản lý và hoạt động, đồng thời gia tăng cạnh tranh và từ đó có thể làm tăng khả năng sinh lời ROE. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Birchwood và cộng sự (2017), Syed và cộng sự (2018), Hồ Thị Hồng Minh và Nguyễn Thị Cành (2015).

Đa dạng hóa tài sản là biến thứ hai được sử dụng đo lường tác động đa dạng hóa đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Theo kết quả nghiên cứu, tác động của đa dạng hóa tài sản đến ROE không có ý nghĩa thống kê. Một lý do được đưa ra có thể là quy mô và thanh khoản của thị trường chứng khoán tại Việt Nam còn khá nhỏ so với các quốc gia trong khu vực, tính ổn định của thị trường còn hạn chế vì thế các ngân hàng trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả trong việc đa dạng các kênh đầu tư tạo ra tài sản phi lãi, đặc biệt là chứng khoán. Một số ngân hàng thu được hiệu quả từ hoạt động kinh doanh đầu tư chứng khoán và các hoạt động góp vốn mua cổ phần nhưng cũng có rất nhiều ngân hàng thua lỗ từ các hoạt động này. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu của Syed và cộng sự (2018).

Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời ROE ở mức ý nghĩa 1%. Điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng tổng tài sản tác động cùng chiều đến khả năng sinh lời như kỳ vọng và phù hợp với

kết quả nghiên cứu của Lee và cộng sự (2013), Phan Thị Hằng Nga (2017). Tại Việt Nam, các NHTM xác định bên cạnh tăng vốn điều lệ, vốn tự có thì tăng quy mô tổng tài sản là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong đề án tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Chính vì thế các ngân hàng luôn có những chiến lược cụ thể trong từng thời kỳ để có mức tăng trưởng tổng tài sản hợp lý. Việc tăng quy mô tài sản giúp các ngân hàng có nhiều cơ hội đầu tư hơn, đa dạng hóa danh mục đầu tư tốt hơn, phân tán rủi ro trong danh mục. Đầu tư phát triển các sản phẩm dịch vụ, hay mở rộng các chi nhánh, địa điểm giao dịch với khách hàng, từ đó ngân hàng có nhiều cơ hội tiếp cận khách hàng, cung ứng sản phẩm dịch vụ, bán chéo các sản phẩm dịch vụ, mở rộng quy mô tín dụng, huy động vốn và các sản phẩm khác. Do đó tăng trưởng tài sản ở mức hợp lý sẽ cải thiện khả năng sinh lời cho các NHTM.

Quy mô ngân hàng tác động dương đến ROE ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả này phù hợp với các kết quả nghiên cứu bởi Bilal và cộng sự (2013), Petria và cộng sự (2015), Lee và cộng sự (2013), Menicucci và Paolucci (2016), Phan và cộng sự (2016), Naiwei và cộng sự (2018). Tăng quy mô sẽ gia tăng khả năng sinh lời, điều này phù hợp với tình hình thực tế của các NHTM Việt Nam. Các ngân hàng có quy mô lớn có thể hưởng lợi nhờ tính kinh tế theo quy mô, khả năng đầu tư, khả năng quản lý hoạt động tốt hơn, sức mạnh uy tín thương hiệu tốt hơn, tạo được niềm tin và tin cậy từ khách hàng, hơn nữa rủi ro trong giao dịch sẽ được quản lý tốt hơn, mạng lưới chi nhánh và hệ thống giao dịch bao phủ tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai kế hoạch kinh doanh. Ngoài ra, các dịch vụ ngân hàng điện tử, các sản phẩm dịch vụ chuyên biệt, thuận tiện và an toàn sẽ thu hút được khách hàng tiềm năng, từ đó giúp gia tăng khả năng sinh lời.

Mức độ tập trung thị trường tác động âm đến ROE ở mức ý nghĩa 1%. Nói cách khác, khi thị trường càng tập trung thì khả năng sinh lời của ngân hàng càng giảm. Kết quả

nghiên cứu này được ủng hộ bởi Petria và cộng sự (2015), Hussain (2014), Nassar và cộng sự (2014), Islam và Nishiyama (2016), Hoàng Trung Khánh và Vũ Thị Đan Trà (2015). Tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời, phù hợp với kết quả nghiên cứu của Ali và cộng sự (2011), Hussain (2014), Petria và cộng sự (2015), Erina và Lace (2013), Trujillo-Ponce (2013), Phan và cộng sự (2016), Phan Thị Hằng Nga (2017). Tỷ lệ lạm phát có mối tương quan cùng chiều đến ROE nhưng không có ý nghĩa thống kê. Kết quả nghiên cứu cho thấy khủng hoảng kinh tế có tác động cùng chiều với ROE và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Mặc dù hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng nhờ vào những biện pháp can thiệp mạnh mẽ và hỗ trợ kịp thời từ phía ngân hàng Nhà nước và Chính phủ thông qua việc nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 10/2008/NQCT ngày 17/04/2008 về các biện pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững, hoạt động ngân hàng đã có những chuyển biến tích cực.

5. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các NHTM Việt Nam như sau:

Thứ nhất, ngân hàng cần thực hiện chiến lược đa dạng hóa phù hợp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng hóa thu nhập có thể giúp NHTM gia tăng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE. Đa dạng hóa tạo sự đa dạng trong cơ cấu thu nhập và tài sản, phân tán rủi ro và nâng cao sự ổn định lợi nhuận của ngân hàng. Trong những năm qua, hệ thống NHTM Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung vào các nghiệp vụ cho vay truyền thống, nguồn thu chủ yếu vẫn là từ hoạt động tín dụng, điều này khiến cho hệ thống ngân

hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro và ảnh hưởng đến lợi nhuận. Do đó, việc đa dạng hóa ngân hàng có thể giúp ngân hàng hạn chế và kiểm soát được rủi ro tốt hơn, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu chủ yếu. Đây cũng là xu thế phát triển tất yếu của các ngân hàng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng quyết liệt và phù hợp với đề án cơ cấu hệ thống NHTM. Để tồn tại và phát triển trong điều kiện hội nhập quốc tế và cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước thì các NHTM Việt Nam cần có các biện pháp phát triển đa dạng cũng như nâng cao chất lượng của các hoạt động phi tín dụng như dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ thẻ, dịch vụ thanh toán v.v. một cách hiệu quả như sau:

- Tập trung vào những sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, có đặc điểm nổi trội trên thị trường để tạo sự khác biệt trong cạnh tranh. Gia tăng tính tiện ích của các dịch vụ ngân hàng, tăng cường khả năng liên kết, tích hợp giữa các sản phẩm dịch vụ nhằm tối đa hóa lợi ích cho khách hàng, tạo sự riêng biệt, tăng lợi thế cạnh tranh với các đối thủ.
- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ thẻ nội địa, thẻ quốc tế, thanh toán lương, phát triển đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ (POS). Xây dựng mức phí cạnh tranh, thực hiện các chính sách miễn giảm phí trong thời gian đầu sử dụng dịch vụ của ngân hàng nhằm thu hút sự quan tâm và sử dụng ngày càng nhiều hơn các sản phẩm dịch vụ.
- Nâng cao năng lực quảng bá và tiếp thị giúp khách hàng nhận biết, tiếp cận, trải nghiệm, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ ngân hàng.
- Xây dựng chiến lược phát triển về trình độ công nghệ, kỹ thuật, khả năng cải tiến, nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ, ứng dụng, khai thác công nghệ thông tin, kỹ thuật số, điện tử và viễn thông đi đôi với phát triển các nguồn lực hiện có và đảm bảo tính an toàn trong vận hành công nghệ.

Thứ hai, ngân hàng cần mở rộng quy mô ngân hàng, gia tăng tài sản.

Các NHTM Việt Nam cần có các biện pháp thích hợp để mở rộng quy mô, tăng tài sản nhằm cải thiện lợi nhuận và gia tăng hiệu quả hoạt động như thu hút và tìm kiếm vốn đầu tư của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước nhằm gia tăng nguồn vốn, tài sản cũng như gia tăng uy tín, phát triển thương hiệu ngân hàng và học hỏi kinh nghiệm quản lý từ các nhà đầu tư và đối tác chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng tiến hành mở rộng mạng lưới giao dịch, các chi nhánh, phòng giao dịch tại các địa bàn tiềm năng, phù hợp với chiến lược và lợi thế cạnh tranh của từng ngân hàng. Đối với các ngân hàng có quy mô nhỏ, hiệu quả hoạt động kém thì cần xem xét phương án mua bán, sáp nhập để giúp ngân hàng cải thiện quy mô của mình và gia tăng năng lực tài chính.

Thứ ba, ngân hàng cần gia tăng và nâng cao chất lượng nguồn vốn chủ sở hữu.

Các ngân hàng cần thực hiện các chiến lược tăng vốn một cách bền vững, giảm thiểu các nguồn vốn rủi ro cao, tránh tình trạng sở hữu chéo và đa phương giữa các ngân hàng với doanh nghiệp, ngân hàng với ngân hàng

nhằm giảm rủi ro mang tính hệ thống hay phát sinh các vấn đề nợ xấu. Việc gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu bằng cách không ngừng nâng cao khả năng quản lý, chất lượng hoạt động, uy tín và thương hiệu của ngân hàng mình nhằm thu hút vốn đầu tư từ nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước trên thị trường chứng khoán, ngoài ra ngân hàng có thể tiến hành không chia cổ tức để bổ sung vốn tự có hoặc trả cổ tức bằng cổ phiếu hay phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Thứ tư, ngành ngân hàng cần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh

Cạnh tranh trong thị trường ngân hàng là một trong những yếu tố giúp cho hệ thống NHTM Việt Nam nâng cao hiệu quả hoạt động. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng nâng cao khả năng cạnh tranh và cùng phát triển thì nhiệm vụ quan trọng của Ngân hàng nhà nước và Chính phủ là đảm bảo tính cạnh tranh, ổn định và lành mạnh của thị trường, tránh gia tăng quá mức mức độ độc quyền hay độc quyền nhóm trong quá trình thực hiện để án tái cấu trúc các ngân hàng, mua bán và sáp nhập, từ đó làm ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ali K., Akhtar M.F., & Ahmed H.Z. (2011). Bank-Specific and Macroeconomic Indicators of Profitability – Empirical Evidence from the Commercial Bank of Pakistan. *International Journal of Business and Social Science*, 6(2).
- Baele, L., De Jonghe, O., & Vander Venet, R. (2007). Does the stock market value bank diversification? *Journal of Banking & Finance*, 31(7), 1999-2023.
- Bilal M., Saeed A., Gull A.A., & Akram T. (2013). Influence of bank specific and macroeconomic factors on profitability of commercial banks: A case study of Pakistan. *Research Journal of Finance and Accounting*, 4, 117-126.
- Birchwood, A., Brei M., & Noel D. (2017). Interest margins and bank regulation in Central America and the Caribbean. *Journal of Banking and Finance*, 85, 56-68.
- Erina J., & Lace N. (2013). Commercial banks Profitability Indicators: Empirical Evidence from Latvia. *IBIMA Business Review*, 2013, 1.

- DeYoung, R., & Roland, K. P. (2001). Product mix and earnings volatility at commercial banks: Evidence from a degree of total leverage model. *Journal of Financial Intermediation*, 10(1), 54- 84.
- Gujarati, D. (2004). *Basic econometrics* (4th Ed.). India: Tata McGraw Hill.
- Hoàng Trung Khánh & Vũ Thị Đan Trà (2015). Những nhân tố ảnh hưởng đến hệ số thu nhập lãi thuần (NIM) của các NHTM tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 215, 47-55.
- Hồ Thị Hồng Minh & Nguyễn Thị Cảnh (2015). Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các Ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 106+107, 13-24.
- Hồ Thủy Tiên & Trần Xuân Hằng (2020). Cấu trúc thuế và tự do hóa thương mại: Nghiên cứu thực nghiệm tại các nước ASEAN. *Tạp Chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, 57, 1-14. <https://doi.org/10.52932/jfm.vi57.93>
- Hussain I. (2014). Banking industry concentration and net interest margins (NIMs) in Pakistan, *Journal of Business Economics and Management*, 15(2), 384-402.
- Islam Md. S., & Nishiyama. S-I. (2016). The determinants of bank net interest margins: A panel evidence from South Asian countries. *Research in International Business and Finance*. S0275-5319(16)30023-X.
- Lee C.C., Yang S.J., & Chang C.H. (2013). Non-interest income, profitability, and risk in banking industry: A cross-country analysis. *North American Journal of Economics and Finance*, 27, 48-67.
- Lê Hồng Nga & Nguyễn Thành Đạt (2021). Tác động của vốn trí tuệ đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, (61).
- Menicucci, & E., Paolucci G. (2016). Factors affecting bank profitability in Europe: An empirical investigation. *African Journal of Business Management*, 10(17), 410-420.
- Naiwei, C., Hsin-Y.L., & Min-T.Y. (2018). Asset diversification and bank performance: Evidence from three Asian countries with a dual banking system. *Pacific-Basin Finance Journal*, 0927-538X.
- Nassar, K.B., Martinez E., & Pineda A. (2014). *Determinants of Banks' Net Interest Margins in Honduras*. International Monetary Fund (IMF).
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2019). *Báo cáo thường niên năm 2018*. Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.
- Nguyễn Thị Mỹ Linh & Nguyễn Thị Ngọc Hương (2015). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 450, 43-51.
- Petria N., Capraru B., & Ihnatov, I. (2015). Determinants of banks's profitability: evidence from EU 27 banking systems. *Procedia Economics and Finance*, 20, 518-524.
- Phan H. T. M., Daly K., & Akhter S. (2016). Bank efficiency in emerging Asian countries. *Research in International Business and Finance*, 38, 517-530.
- Phan Thị Hằng Nga (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 237, 65-73.
- Syed M., Changjun Z., Anupam D.G., & Badar N.A. (2018). Does Bank Diversification Heterogeneously Affect Performance and Risk-taking in ASEAN Emerging Economies? *Research in International Business and Finance*, S0275-5319(17), 30652-9.
- Trujillo – Ponce A. (2013). What determines the profitability of Bank? Evidence from Spain. *Accounting & Finance*, 53, 561-586.
- Võ Đức Thọ (2017). Ảnh hưởng của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 141, 56-70.
- Võ Xuân Vinh & Trần Thị Phương Mai (2015). Lợi nhuận và rủi ro từ đa dạng hóa thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí phát triển kinh tế*, 26, 54-70.